TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRƯNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **58**/2022/HS-ST
Ngày 30-3-2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Vũ Vương

Bà Dương Thị Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Tú - Thư ký Tòa án của Tòa án quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 352/2021/ TLST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 397/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 12 năm 2021 và Thông báo mở phiên tòa số 104/TB-HS ngày 17 tháng 3 năm 2022 đối với:

Bị cáo: **N.T.B.N**, sinh năm 1984 tại thành phố Hà Nội. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số ..., ngách ../…, phố M, phường T, quận H, thành phố Hà Nội; nơi ở: Không xác định; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông N.V.M (chết) và bà L.T.T; gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ nhất; có chồng là L.Đ.G (ly hôn) và 02 con (con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2004); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 26/8/2013, bị Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội xử phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị bắt ngày 21/9/2021, tạm giữ từ ngày 21/9/2021, bị tạm giam từ ngày 22/9/2021. Danh chỉ bản số 456, lập ngày 22/9/2021 tại Công an quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Hiện bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố Hà Nội. Ngày 07/12/2021, bị Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội xử phạt 28 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Chưa chấp hành). *Có mặt tại phiên tòa.*

Bị hại: Bà P.T.L, sinh năm 1971. Nơi ĐKHK thường trú: Xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi ở: Số …/…, phố M, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. *Xin vắng mặt.*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh N.T.V, sinh năm 2001. Nơi ĐKHK thường trú: Xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi ở: Số …/…, phố M, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. *Xin vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 03/4/2021, Công an phường T, quận H, thành phố Hà Nội nhận được đơn trình báo của bà P.T.L, sinh năm 1971, đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình, chỗ ở …/…, phố M, phường T, quận H, thành phố Hà Nội, về việc khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, bà L bị mất 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu 133S màu đen, biển kiểm soát 35MĐ2-xxx.xx tại trước cửa số nhà …, ngõ …., phố M, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Qua kiểm tra camera tại tầng 1, nhà …/…, phố M, chị P.N.L, sinh năm 1994, trú tại xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa, chỗ ở số …, phố T, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội, phát hiện người dắt chiếc xe máy điện trên của bà L là N.T.B.N. Bà L giao nộp cho cơ quan Công an 01 thiết bị điện tử USB lưu trữ nội dung ghi hình vụ việc trên.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Hai Bà Trưng đã yêu cầu định giá đối với 01 chiếc xe máy điện BKS 35MĐ2-xxx.xx bị trộm cắp ngày 03/4/2021. Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 68/KL-HĐĐGTS ngày 14/5/2021, Hội đồng định giá kết luận: "*01 chiếc xe máy điện không biển số, màu đen, biển kiểm soát theo đăng ký 35MĐ2-xxx.xxx, số khung DGTNG4900143, số máy 48V450900143, đã qua sử dụng có giá 3.500.000 đồng*".

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Hai Bà Trưng đã ra quyết định trưng cầu giám định đối với hình ảnh chứa nội dung vụ việc thu giữ từ camera trước cửa số nhà …/…, phố M do bà P.T.L cung cấp. Tại Kết luận giám định số 2890/C09-P6 ngày 27/4/2021, Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: "*Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong file video mẫu cần giám định*".

Tại Cơ quan điều tra, N.T.B.N khai nhận: Khoảng 20 giờ 10 phút ngày 03/4/2021, N đi bộ từ nhà ở số …, ngách …/…, phố M, phường T, quận H, thành phố Hà Nội đến khu vực trước cửa số nhà …/…, phố M, phát hiện có 01 chiếc xe máy điện màu đen, biển kiểm soát 35MĐ2-xxx.xx, chìa khóa cắm ở ổ khóa, đang

dựng trước cửa nhà, không có người trông giữ, nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. N dắt chiếc xe máy điện trên hướng ra đầu ngõ …, phố M. Sau đó, N điều khiển xe máy điện đến khu vực trước cửa số nhà …, phố T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội, bán cho 01 người đàn ông không quen biết với giá 1.500.000 đồng. N đã tiêu xài cá nhân hết số tiền bán xe và bỏ trốn. Ngày 20/9/2021, N đến Công an phường T đầu thú.

Về nguồn gốc chiếc xe máy điện màu đen, biển kiểm soát 35MĐ2-xxx.xx, bà P.T.L khai: Chiếc xe máy điện mang tên anh N.T.V, sinh năm 2001, đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình, chỗ ở số …/…, phố M, phường T, quận H, thành phố Hà Nội, là con trai của bà L. Xe do bà L mua từ năm 2016 với giá 8.000.000 đồng. Ngày 03/4/2021, bà L sử dụng chiếc xe trên của anh V. Anh V có lời khai phù hợp với lời khai của bà L.

Cơ quan điều tra đã dẫn giải N.T.B.N đi xác định địa điểm bán chiếc xe máy điện nhãn hiệu 133S màu đen, biển kiểm soát 35MĐ2-xxx.xx và người đàn ông đã mua chiếc xe máy điện. Kết quả, N xác định được địa điểm bán xe, không xác định được người đàn ông đã mua xe. Vì vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ để tiếp tục xác minh, xử lý, không thu hồi được chiếc xe máy điện.

Bà P.T.L yêu cầu N.T.B.N bồi thường cho bà L số tiền 3.500.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 323/CT-VKSHBT-HS ngày 19/11/2021, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng truy tố N.T.B.N về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo N.T.B.N khai đã thực hiện hành vi như Cáo trạng truy tố và xin được giảm nhẹ mức hình phạt.

Bị hại là bà P.T.L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh N.T.V đã được triệu tập hợp lệ, nhưng đề nghị xét xử vắng mặt. Bà L, anh V đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, đã giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo N.T.B.N mức án từ 12 tháng đến 18 tháng tù, tổng hợp với 28 tháng tù theo Bản án số 343/2021/ HSST ngày 07/12/2021 của Tòa án nhân dân quận H, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 40 đến 46 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 3.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hai Bà Trưng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, do đó các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào hồi 20 giờ 12 phút ngày 03/4/2021, tại trước cửa số nhà …/…, phố M, phường T, quận H, thành phố Hà Nội, N.T.B.N phát hiện chiếc xe máy điện màu đen, biển kiểm soát 35MĐ2-xxx.xx, đang dựng trước cửa nhà, chìa khóa cắm ở ổ khóa, không có người trông giữ, nên đã trộm cắp. Tài sản bị N chiếm đoạt là chiếc xe máy điện do bà P.T.L mua năm 2016 với giá 8.000.000 đồng, cho con là anh N.T.V đứng tên sở hữu, nay được định giá là 3.500.000 đồng (Ba triệu, năm trăm nghìn đồng). Hành vi của bị cáo N.T.B.N là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản và trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng truy tố và kết luận về hành vi phạm tội của bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo N.T.B.N thành khẩn khai báo, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo N.T.B.N không có tình tiết tăng trách nhiệm hình sự.

[5] Về nhân thân: Bị cáo N.T.B.N có nhân thân xấu, gồm 01 tiền án về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, đã được xóa án tích, thể hiện bị cáo có ý thức chấp hành pháp luật kém, đã được các cơ quan pháp luật giáo dục, nhưng không tu dưỡng, rèn luyện, mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nêu trên, ngày 01/6/2021 bị cáo N cùng với T.T.G thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại số …, ngách …, ngõ …, đường H, phường H, quận

H, thành phố Hà Nội và bị Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội xử phạt 28 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 343/2021/HSST ngày 07/12/2021.

[6] Về quyết định hình phạt: Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội "bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm". Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo N.T.B.N, cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[7] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định: "Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng". Tuy nhiên, do bị cáo N.T.B.N không có nghề nghiệp, tài sản, nên Tòa án không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Do chiếc xe máy điện bị N.T.B.N trộm cắp không thu hồi được, nên bị hại là bà P.T.L yêu cầu bị cáo N phải bồi thường số tiền 3.500.000 đồng là giá trị chiếc xe máy điện. Xét yêu cầu đòi bồi thường của bà L là có căn cứ, buộc bị cáo N phải bồi thường cho bà L số tiền 3.500.000 đồng.

[9] Về án phí, quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[10] Đối với người đàn ông đã mua xe máy điện do N.T.B.N trộm cắp mà có: Quá trình điều tra, N khai bán xe máy cho người đàn ông không quen biết, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không xác định được, nên không có căn cứ xác minh, xử lý là có cơ sở.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo N.T.B.N phạm tội Trộm cắp tài sản.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 55, 56 của Bộ luật Hình sự, xử phạt N.T.B.N 10 (Mười) tháng tù, tổng hợp với 28 (Hai mươi tám) tháng tù theo Bản án số 343/2021/HSST ngày 07/12/2021 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 38 (Ba mươi tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/9/2021. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với N.T.B.N.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 62 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo N.T.B.N phải bồi thường cho bà P.T.L số tiền 3.500.000đ (Ba triệu, năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các Điều 23, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo N.T.B.N phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo N.T.B.N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bà P.T.L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án, anh N.T.V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Bị cáo, bị hại, đương sự;
- VKSND Tp. Hà Nội;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Cơ quan CSĐT Công an quận Hai Bà Trưng;
- Trạm tạm giam số 1 - Công an Tp. Hà Nội;
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Hữu Nam